

# Báo cáo thị trường tiền tệ

## NHNN trở lại rút ròng khi các áp lực đã hạ nhiệt

### NHNN rút ròng trở lại

Trong tuần 48, NHNN quay trở lại hút ròng từ hệ thống ngân hàng sau bốn tuần bơm ròng liên tiếp. Cụ thể, NHNN đã phát hành 9.98 nghìn tỷ đồng tín phiếu trong tuần, trong khi có 7.95 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng 2.03 nghìn tỷ đồng qua công cụ tín phiếu. Bên cạnh đó, NHNN phát hành 54.00 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn, trong khi gần 68.00 nghìn tỷ đồng hợp đồng đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng 14.00 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Tổng cộng, NHNN đã rút ròng 16.03 nghìn tỷ đồng từ hệ thống ngân hàng trong tuần.

### Lãi suất liên ngân hàng giảm trên các kỳ hạn ngắn

Trong tuần, lãi suất liên ngân hàng giảm đáng kể ở các kỳ hạn ngắn, trong khi các kỳ hạn dài hơn tăng nhẹ so với tuần trước. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 2 tuần, và 1 tháng lần lượt giảm 110đcb, 60đcb, 30đcb, và 20đcb, xuống còn 3.27%, 3.80%, 4.13%, và 4.23%. Ngoài ra, lãi suất kỳ hạn 3 tháng tăng 5đcb đạt mức 4.55%.

### Áp lực USDVND đã dịu lại

Tuần này USDVND giảm mạnh sau hai tuần tăng, chủ yếu đến từ sự tụt dốc của đồng bạc xanh. Tỷ giá USDVND trên thị trường liên ngân hàng giảm 0.30%, tương đương 76 điểm phần trăm so với tuần trước, đạt mức 25,346 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, DXY giảm mạnh 1.69% xuống 105.7 vào ngày thứ Sáu. Sự suy giảm của DXY trong tuần này xảy ra do đà tăng của đồng USD đã bị chững lại, khi các đe dọa về thuế quan của ông Donald Trump gây xáo trộn các thị trường tài chính, đồng thời việc đề cử ông Scott Bessent làm Bộ trưởng Tài chính Mỹ đã đẩy lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ xuống thấp và làm gia tăng kỳ vọng của các nhà đầu tư rằng Fed sẽ tiếp tục hạ lãi suất trong cuộc họp FOMC sắp tới, qua đó làm giảm giá trị đồng bạc xanh trong tuần. Trong nước, sau 7 tuần bán ròng liên tiếp, nhà đầu tư nước ngoài đã quay lại mua ròng trong tuần này với tổng giá trị là 1.00 nghìn tỷ đồng, chiếm 1.6% giá trị giao dịch trong tuần trên sàn HOSE, góp phần giảm bớt áp lực tỷ giá trong tuần.

### Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T5/24	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	Corr. <sup>1</sup>
FDI %n/n	9.4	9.4	9.5	5.3	13.2	7.6	-0.17
Tổng mức bán lẻ %n/n	8.9	8.9	8.6	8.4	7.6	7.1	-0.23
Xuất khẩu %n/n	14.6	13.1	20.2	14.5	11.0	10.3	-0.16
Nhập khẩu %n/n	25.7	14.7	25.0	12.4	11.5	13.8	-0.07
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	-0.5	3.2	2.4	4.5	2.3	2.0	-0.10
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	0.05	0.17	0.48	0.00	0.29	0.33	-0.08
Tín dụng %n/n	14.0	15.3	15.3	15.7	14.6	14.1	-0.23
USDVND %t/t	0.45	0.02	-0.81	-1.48	-1.24	2.91	-0.39
PMI(Điểm)	50.3	54.7	54.7	52.4	47.3	51.2	-0.25
VNINDEX %t/t	4.8	-1.2	0.7	2.6	0.8	-2.2	1.00

Nguồn: SBV, GSO, Bloomberg, KIS

<sup>1</sup> Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;  
Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

### Nội dung

I. NHNN rút ròng trở lại.....	1
II. Lãi suất liên ngân hàng giảm trên các kỳ hạn ngắn....	3
III. Lợi suất trái phiếu Chính phủ ổn định .....	4
IV. Áp lực USDVND đã dịu lại.....	6
Thống kê ví mô .....	8
Phụ lục .....	9

**Research Dept.**

researchdept@kisvn.vn

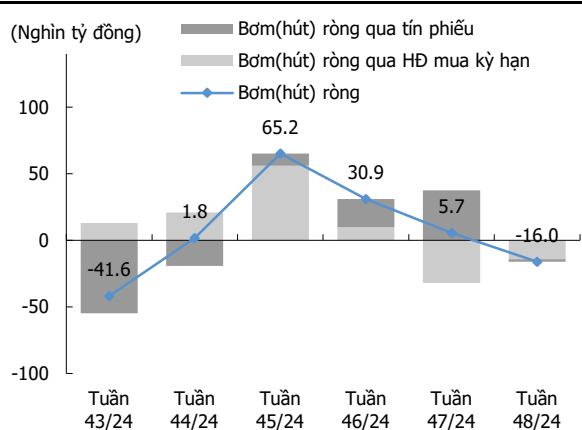
## I. NHNN rút ròng trở lại

### NHNN trở lại rút ròng thanh khoản sau 4 tuần liên tiếp bơm ròng

Trong tuần 48 (từ ngày 25 đến 29 tháng 11), NHNN quay trở lại hút ròng từ hệ thống ngân hàng sau bốn tuần bơm ròng liên tiếp. Cụ thể, NHNN đã phát hành 9.98 nghìn tỷ đồng tín phiếu trong tuần, trong khi có 7.95 nghìn tỷ đồng tín phiếu đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng 2.03 nghìn tỷ đồng qua công cụ tín phiếu. Bên cạnh đó, NHNN phát hành 54.00 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn, trong khi gần 68.00 nghìn tỷ đồng hợp đồng đáo hạn, dẫn đến mức rút ròng 14.00 nghìn tỷ đồng qua công cụ này. Tổng cộng, NHNN đã rút ròng 16.03 nghìn tỷ đồng từ hệ thống ngân hàng trong tuần.

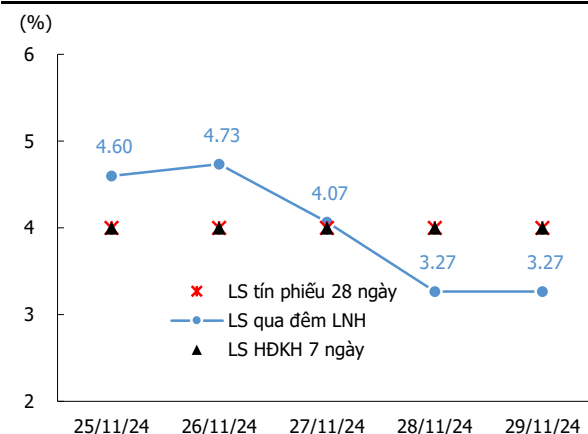
Trong tuần này, việc rút ròng thanh khoản của NHNN cho thấy tình hình thanh khoản đã hạ nhiệt sau bốn tuần bơm ròng liên tiếp. Tuy nhiên, áp lực tỷ giá vẫn là một thách thức lớn có thể sẽ gây ra nhiều khó khăn cho NHNN trong việc điều hành linh hoạt các chính sách kinh tế trong những tuần tới.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin chi tiết về phát hành HĐ mua kỳ hạn

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
25/11/24	23/12/24	28	0.50	4.00
26/11/24	24/12/24	28	0.30	4.00
27/11/24	25/12/24	28	0.25	4.00
28/11/24	26/12/24	28	4.15	4.00
29/11/24	27/12/24	28	4.78	4.00
<b>Tổng</b>		<b>28</b>	<b>9.98</b>	<b>4.00</b>

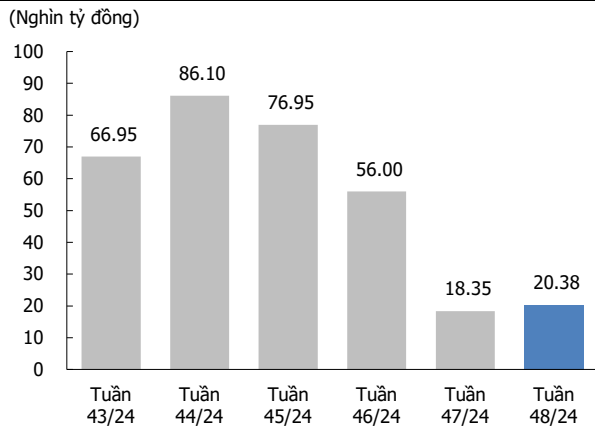
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin về phát hành tín phiếu kỳ hạn 28 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
25/11/24	2/12/24	7	20.00	4.00
26/11/24	3/12/24	7	20.00	4.00
27/11/24	4/12/24	7	10.00	4.00
28/11/24	5/12/24	7	3.00	4.00
29/11/24	6/12/24	7	1.00	4.00
<b>Tổng</b>		<b>7</b>	<b>54.00</b>	<b>4.00</b>

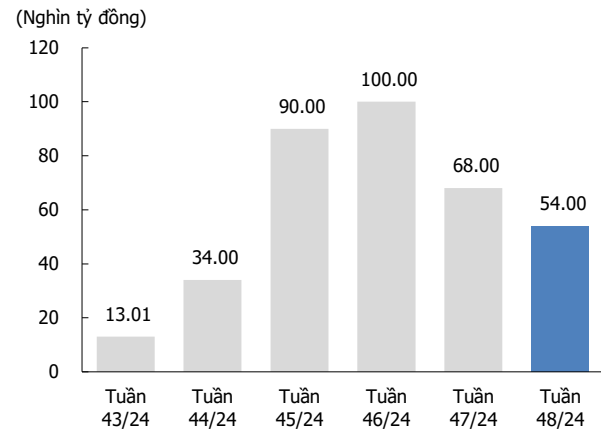
Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 5. Tín phiếu đang lưu hành**



Nguồn: NHNN, KIS

**Hình 6. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành**



Nguồn: NHNN, KIS

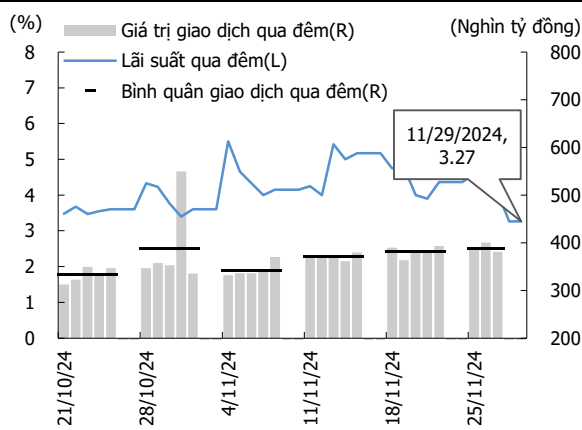
## II. Lãi suất liên ngân hàng giảm trên các kỳ hạn ngắn

### Đường cong lãi suất liên ngân hàng đã giảm mạnh ở các kỳ hạn ngắn

Trong tuần, lãi suất liên ngân hàng giảm đáng kể ở các kỳ hạn ngắn, trong khi các kỳ hạn dài hơn tăng nhẹ so với tuần trước. Cụ thể, lãi suất qua đêm (ON), 1 tuần (1W), 2 tuần (2W), và 1 tháng (1M) lần lượt giảm 110đcb, 60đcb, 30đcb, và 20đcb, xuống còn 3.27%, 3.80%, 4.13%, và 4.23%. Ngoài ra, lãi suất kỳ hạn 3 tháng tăng 5đcb đạt mức 4.55%.

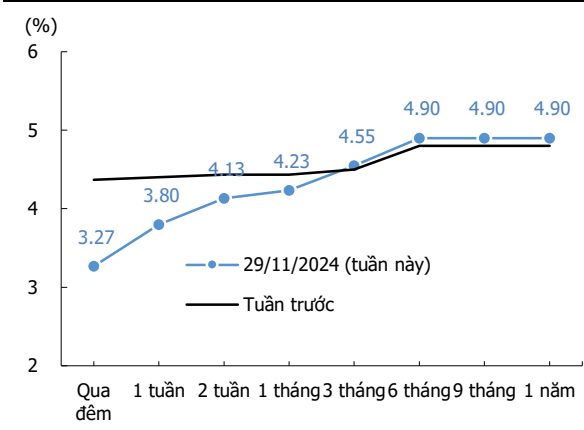
Diễn biến lãi suất liên ngân hàng trong tuần này cho thấy áp lực thanh khoản đã giảm bớt trong hệ thống ngân hàng sau bốn tuần liên tiếp bơm ròng. Trong những tuần tới, chúng tôi dự đoán rằng đường cong lãi suất liên ngân hàng sẽ biến động nhiều hơn do khả năng cao về một cuộc đua tín dụng trong tháng 12 để đạt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 15% của Chính phủ. Bên cạnh đó, nguồn cung ngoại tệ dồi dào trong tháng cuối năm có thể sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc ổn định tỷ giá và hỗ trợ thanh khoản trong hệ thống ngân hàng.

Hình 7. Giao dịch liên ngân hàng



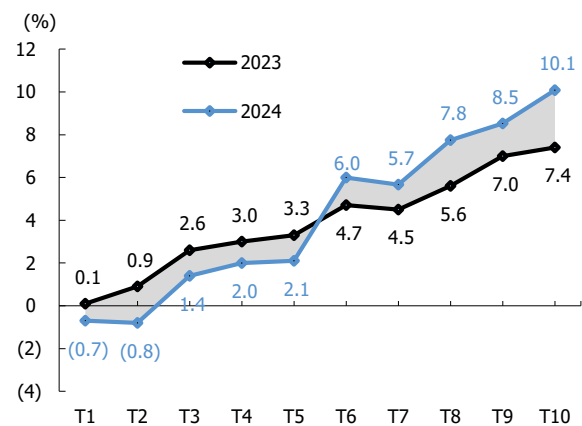
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 8. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



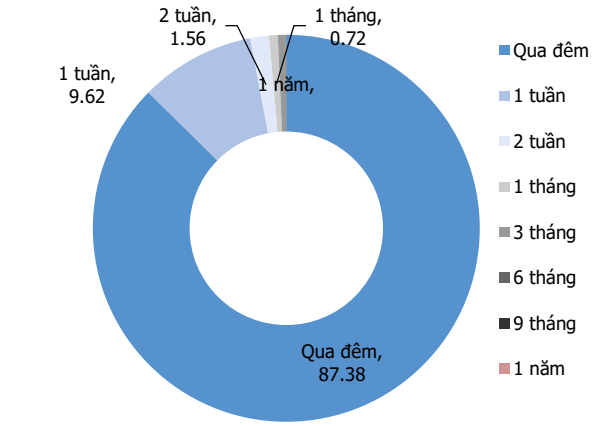
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 9. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN  
Ghi chú: Cập nhật đến ngày 30 tháng 10 năm 2024

Hình 10. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



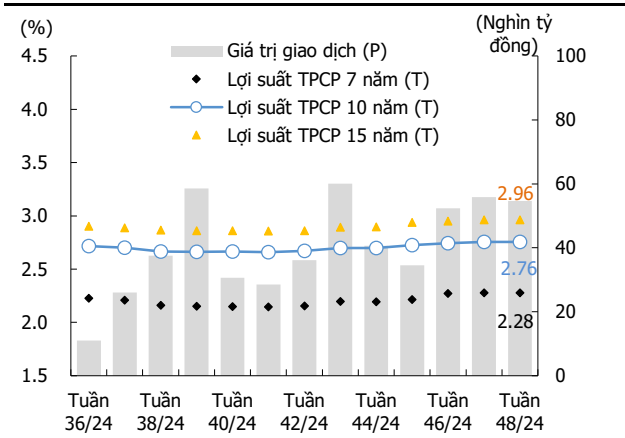
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

### III. Lợi suất trái phiếu Chính phủ ổn định

**Lợi suất TPCP hầu như không đổi, tuy nhiên nhu cầu đang giảm dần**

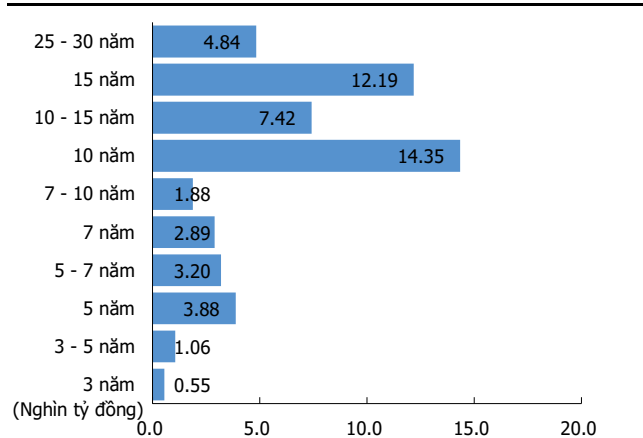
Trong tuần, lợi suất trái phiếu Chính phủ (TPCP) gần như không có sự thay đổi so với tuần trước đó, trong khi giá trị giao dịch giảm nhẹ. Cụ thể, lợi suất trái phiếu kỳ hạn không thay đổi, chỉ riêng lợi suất kỳ hạn 20 năm tăng nhẹ 2đcb lên mức 3.01%. Tổng giá trị giao dịch giảm nhẹ xuống còn 54.65 nghìn tỷ đồng, với giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày đạt 10.93 nghìn tỷ đồng, giảm 2.25% so với tuần trước. Nhìn chung, trong 3 tuần trở lại đây, nhu cầu đã có sự cải thiện đáng kể trong khi lợi suất tăng vừa phải, mặc dù nhu cầu tuần này có sự giảm nhẹ, phản ánh sự phục hồi niềm tin của nhà đầu tư trong thời gian tới.

**Hình 11: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần**



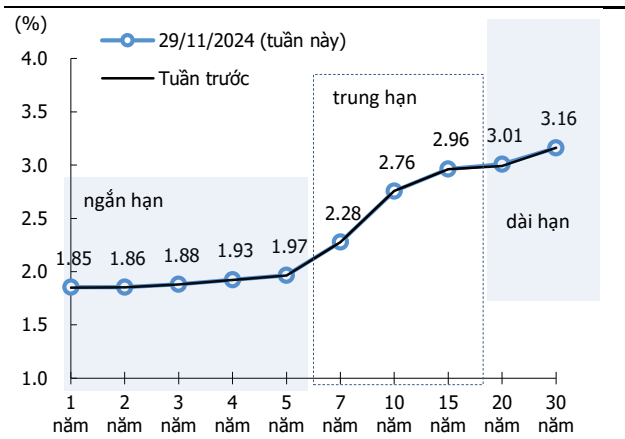
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

**Hình 12: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn**



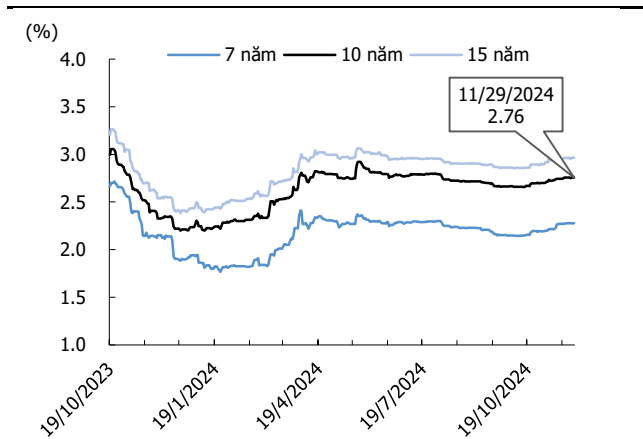
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

**Hình 13: Đường cong lãi suất TPCP**



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

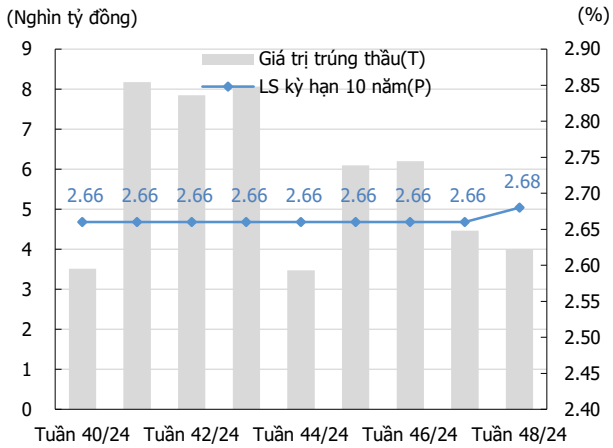
**Hình 14: Lãi suất TPCP giao dịch hàng ngày**



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

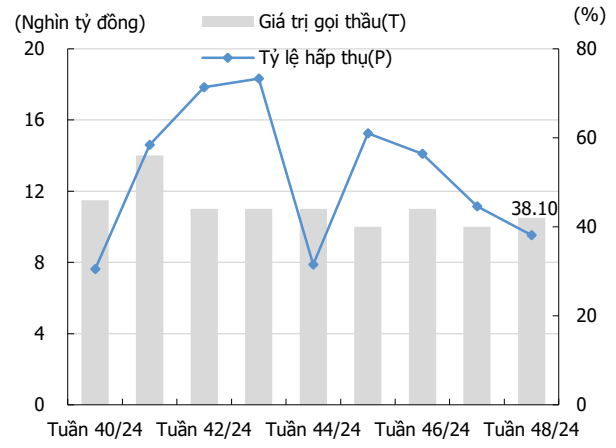
Trên thị trường sơ cấp, tuần 48 cho thấy nhu cầu tiếp tục giảm trong 3 tuần liên tiếp, với lãi suất trúng thầu tăng nhẹ và giá trị trúng thầu tiếp tục giảm. Cụ thể, KBNN đã phát hành thành công 4.00 nghìn tỷ đồng trong tuần, với lãi suất trúng thầu tăng nhẹ 2đcb lên mức 2.68%. Tính đến nay, KBNN đã phát hành tổng cộng 323.50 nghìn tỷ đồng kể từ đầu năm, đạt 80.88% mục tiêu năm 2024. Tiến độ năm nay nhanh hơn đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái, với tốc độ hoàn thành cao hơn 4.56% so với cùng kỳ năm 2023.

**Hình 15: Giá trị trúng thầu hàng tuần**



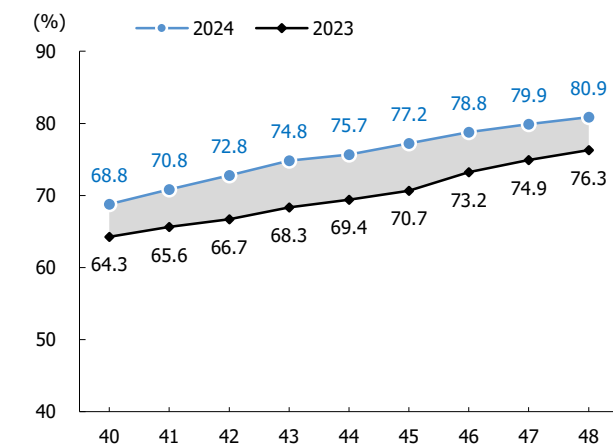
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 16: Hệ số hấp thụ hàng tuần**



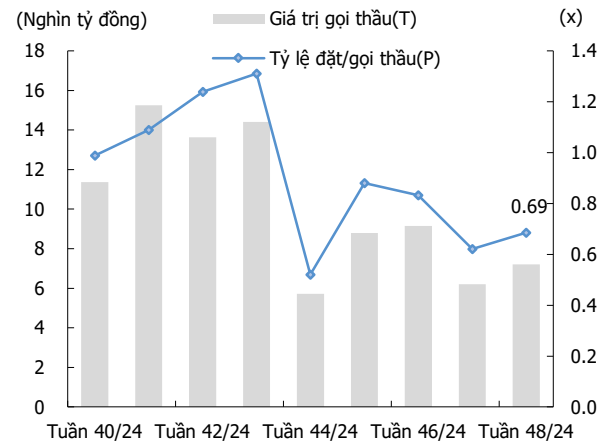
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 17: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm 2024**



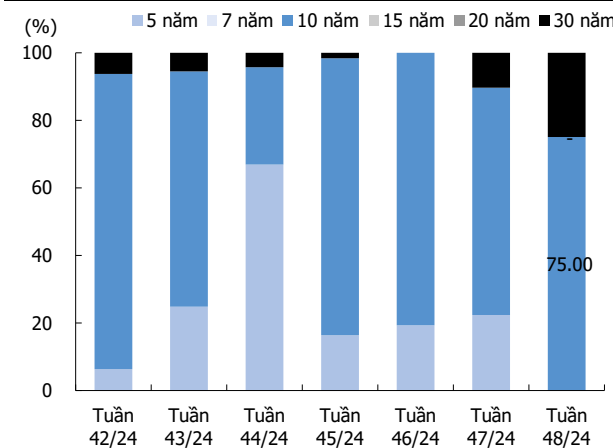
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 18: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần**



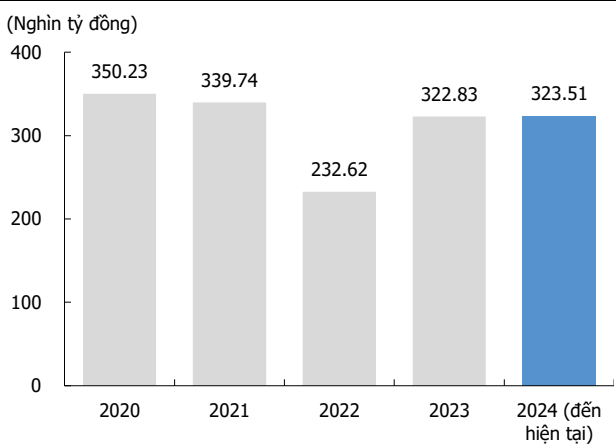
Nguồn: HNX, KIS

**Hình 19: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần**



Nguồn: HNX, KIS

**Hình 20: Lượng TPCP phát hành hàng năm**



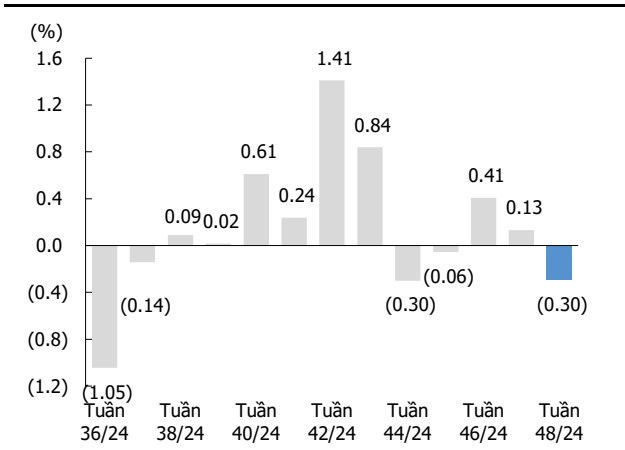
Nguồn: HNX, KIS

## IV. Áp lực USDVND đã dịu lại

**Đà tăng của DXY chứng lại trước kỳ vọng về sự ôn hòa hơn trong nhiệm kỳ của Donald Trump**

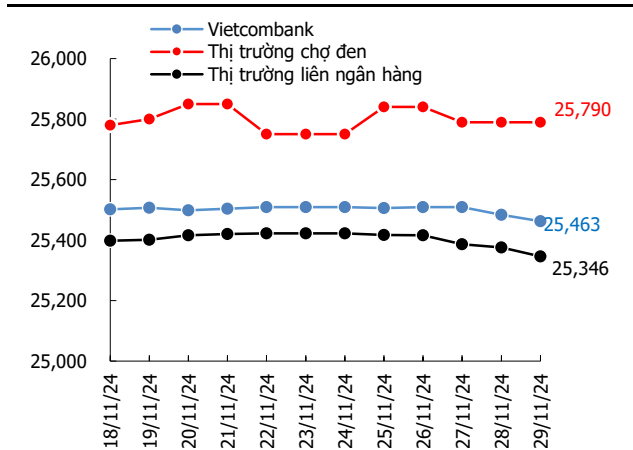
Tuần này USDVND giảm mạnh sau hai tuần tăng, chủ yếu đến từ sự tụt dốc của đồng bạc xanh. Tỷ giá USDVND trên thị trường liên ngân hàng giảm 0.30%, tương đương 76 điểm phần trăm so với tuần trước, đạt mức 25,346 vào ngày thứ Sáu. Trên thị trường quốc tế, DXY giảm mạnh 1.69% xuống 105.7 vào ngày thứ Sáu. Sự suy giảm của DXY trong tuần này xảy ra do đà tăng của đồng USD đã bị chứng lại, khi các đe dọa về thuế quan của ông Donald Trump gây xáo trộn các thị trường tài chính, đồng thời việc đề cử ông Scott Bessent làm Bộ trưởng Tài chính Mỹ đã đẩy lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ xuống thấp và làm gia tăng kỳ vọng của các nhà đầu tư rằng Fed sẽ tiếp tục hạ lãi suất trong cuộc họp FOMC sắp tới, qua đó làm giảm giá trị đồng bạc xanh trong tuần. Trong nước, sau 7 tuần bán ròng liên tiếp, nhà đầu tư nước ngoài đã quay lại mua ròng trong tuần này với tổng giá trị là 1.00 nghìn tỷ đồng, chiếm 1.6% giá trị giao dịch trong tuần trên sàn HOSE, góp phần giảm bớt áp lực tỷ giá trong tuần. Về diễn biến thị trường ngoại tệ, giá mua tại Vietcombank giảm 0.18% hay 46 điểm phần trăm, trong khi giá ở thị trường tự do tăng 0.16% hay 40 điểm phần trăm so với tuần trước. Vào ngày thứ Sáu, giá mua tại Vietcombank và thị trường tự do lần lượt ghi nhận ở mức 25,463 và 25,790 đồng cho một USD.

**Hình 21: Diễn biến của USDVND theo tuần**



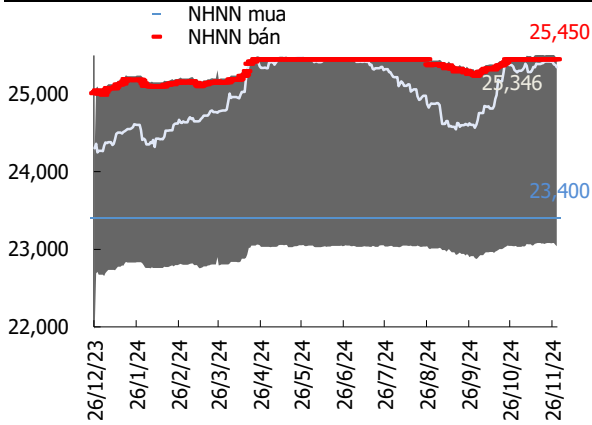
Nguồn: NHNN, Bloomberg

**Hình 22: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày**



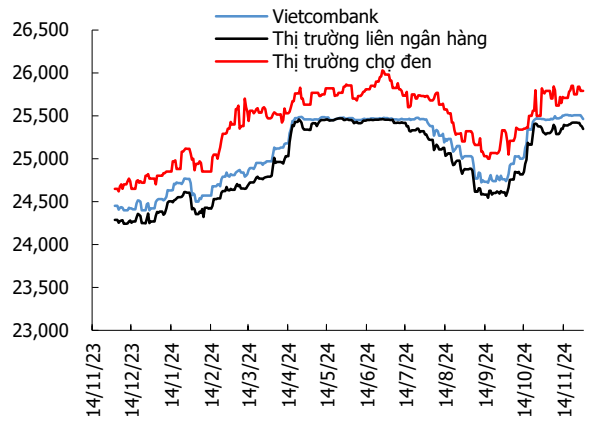
Nguồn: TCTT, KIS

**Hình 23: Diễn biến giao dịch của NHNN**



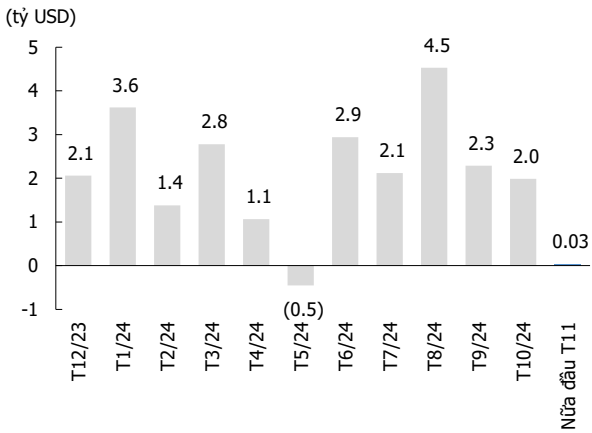
Nguồn: NHNN, Bloomberg, Fiinpro, KIS

**Hình 24: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng**



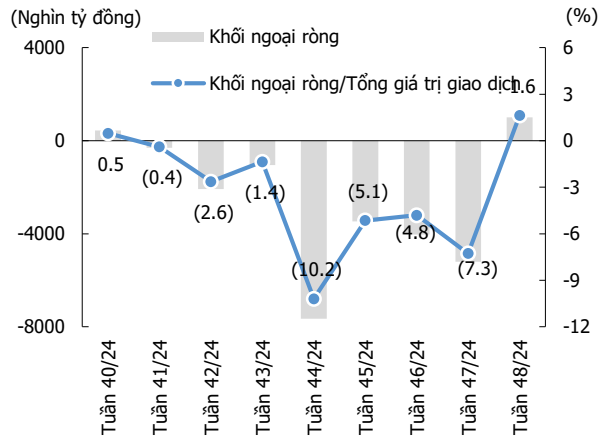
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KIS

**Hình 25: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng**



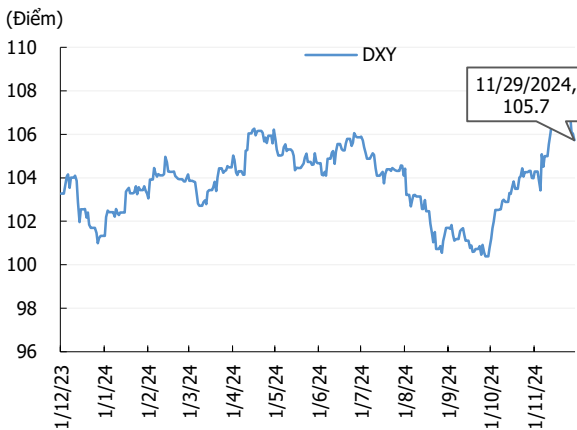
Nguồn: NHNN, Bloomberg  
Ghi chú: Cập nhật đến 6 tháng 11, 2024

**Hình 26: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần**



Nguồn: Fiinpro, KIS

**Hình 27: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng**



Nguồn: NHNN, Bloomberg

**Hình 28: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật**

Tỷ giá	Cơ chế	46W24	47W24	48W24	2024YTD
DXY	Chỉ số đồng Đô La Mỹ	1.61	0.81	-1.69	4.35
USDCNY	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.63	0.26	-0.02	2.07
EURUSD	Tỷ giá thả nổi	-1.66	-1.16	1.53	-4.19
USDJPY	Tỷ giá thả nổi	1.09	0.31	-3.24	6.19
USDKRW	Tỷ giá thả nổi	0.18	0.54	-0.63	8.47
USDSGD	Cơ chế trung gian (BBC)	1.24	0.35	-0.53	1.45
USDTHB	Tỷ giá thả nổi	2.37	-0.71	-0.79	0.47
USDVND	Tỷ giá thả nổi có quản lý	0.41	0.13	-0.30	4.45

Nguồn: NHNN, Bloomberg  
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá tăng nhẹ; Đỏ = Giá giảm.



## Thống kê vĩ mô

	T6/24	T7/24	T8/24	T9/24	T10/24	4Q23	1Q24	2Q24	3Q24	2020	2021	2022	2023
Tăng GDP thực (%)						6.72	5.66	6.93	7.40	2.91	2.58	8.02	5.05
FDI đăng ký (USD bn)	4.13	2.82	2.53	4.26	2.48	16.40	6.18	9.01	9.59	28.53	31.15	27.72	36.61
GDP bình quân (USD)										3,521	3,725	4,110	4,285
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.28	2.24	2.29	2.24	2.48	3.22	2.32	2.26
Xuất khẩu (tỷ USD)	33.09	35.92	37.59	34.05	35.59	96.53	93.06	92.9	108.6	282.7	335.7	371.85	355.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	30.15	33.80	33.06	31.76	33.60	90.17	84.98	85.1	99.7	263	331.1	360.65	327.5
Tăng trưởng XK (%)	10.52	19.11	14.54	10.70	10.09	8.80	16.98	12.46	15.82	7.02	18.74	10.61	-4.4
Tăng trưởng NK (%)	13.12	24.73	12.38	11.06	13.56	8.01	13.88	19.81	17.19	3.81	25.9	8.35	-8.9
Lạm phát (%)	4.34	4.36	3.45	2.63	2.68	3.54	3.77	4.39	3.48	3.24	1.84	3.15	3.25
USD/VND	25,458	25,320	24,860	24,093	25,270	24,260	24,786	25,458	24,093	23,126	22,790	23,650	23,784
Tăng trưởng tín dụng (%)	15.3	15.1	14.9	14.6	16.6	10.82	11.6	13.5	15.3	12.17	12.97	12.87	11.09
TPCP 10 năm (%)	2.81	2.79	2.83	2.66	2.80	2.23	2.59	2.81	2.66	2.01	2.11	5.08	2.39

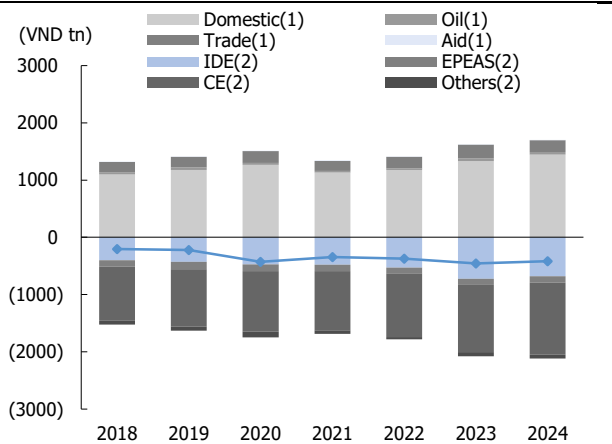
Nguồn: TCTK, Bloomberg, FIA, IMF

### \*\*Khái niệm

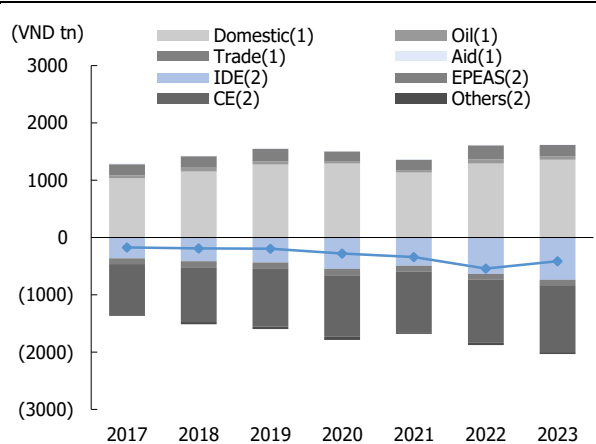
- \* Tỷ giá lãi suất trúng thầu = tỷ giá đặt thầu cao nhất của mỗi nhóm, 2.68%
- \* Hệ số hấp thụ = giá đặt thầu / giá gọi thầu, 38.10%
- \* Tỷ lệ "bid to offer" = giá chào thầu / giá đặt thầu, 0.69%
- \* DXY = Chỉ số giá USD Index, ~105.7
- \* OMO = Nghiệp vụ thị trường mở
- \* Kỳ hạn = Khoảng thời gian đến ngày thanh toán
- \* ON =lãi suất liên ngân hàng qua đêm, ~3.27%

## Phụ lục

**Hình 1: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: dự kiến**



**Hình 2: Ngân sách nhà nước Việt Nam hàng năm: thực tế**



Nguồn: MoF, NHNN, KIS

Domestic= Doanh thu quốc nội; Oil= Doanh thu giao dịch dầu thô; Trade= Cán cân thu nhập từ hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu; Aid= Doanh thu từ viện trợ.

IDE=Chi đầu tư phát triển; EPEAS=Chi phí lãi vay và chi trả cho viện trợ; CE= Chi tiêu hiện tại

(1) ghi chú khoản mục thuộc về doanh thu

(2) ghi chú khoản mục thuộc về chi tiêu hoặc được ghi nhận dưới dạng số âm

**Bảng 2: Cán cân thanh toán của Việt Nam ( tỷ USD)**

	2020	2021	2022	2023	1Q24	2Q24
<b>Cán cân vãng lai</b>	15.1	(4.6)	(1.1)	25.1	5.2	4.5
Hàng hóa: Xuất khẩu	282.6	335.9	371.3	354.7	92.9	97.9
Hàng hóa : Nhập khẩu	251.9	318.5	345.6	310.7	81.0	89.3
Hàng hóa ròng	30.7	17.5	25.7	44.0	11.9	8.5
Dịch vụ: Xuất khẩu	7.6	4.2	12.9	19.6	5.7	5.5
Dịch vụ: Nhập khẩu	17.9	19.9	25.5	29.1	8.0	8.3
Thu nhập sơ cấp: Thu	1.4	1.0	2.3	4.6	1.4	1.4
Thu nhập sơ cấp: Chi	16.2	17.7	22.0	27.0	9.0	5.4
Thu nhập thứ cấp: Thu	11.4	13.6	12.2	16.1	4.3	3.8
Thu nhập thứ cấp: Chi	2.0	3.2	6.7	3.1	1.0	1.1
<b>Cán cân tài chính</b>	(8.5)	(30.9)	(9.5)	(2.8)	1.4	(6.3)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	0.4	0.3	2.7	1.6	(0.1)	(0.1)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	15.8	15.7	17.9	18.5	3.6	5.0
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	(0.0)	(0.0)	0.0	0.0	0.0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	(1.3)	0.3	1.5	(1.2)	(0.5)	(1.6)
Đầu tư khác, tài sản có	8.4	0.6	13.7	(14.3)	0.2	(5.2)
Đầu tư khác, tài sản nợ	2.8	15.9	6.4	(7.4)	(1.8)	(4.4)
<b>Lỗi và sai sót</b>	(6.9)	(10.4)	(31.1)	(16.6)	(8.0)	(4.3)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	16.6	15.9	(22.7)	(5.6)	1.4	6.1

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

## Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

#### **VIET NAM**

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)  
KIS Vietnam Securities Corporation  
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.  
Fax: 8428 3821-6898

#### **SOUTH KOREA**

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)  
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)  
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea  
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320  
Fax: 822 3276 5681~3  
Telex: K2296

#### **NEW YORK**

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)  
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)  
Korea Investment & Securities America, Inc.  
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110  
New York, NY 10019  
Fax: 1 212 314 0699

#### **HONG KONG**

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)  
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.  
Suite 2220, Jardine House  
1 Connaught Place, Central, Hong Kong  
Fax: 852-2530-1516

#### **SINGAPORE**

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)  
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)  
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd  
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place  
Singapore 048616  
Fax: 65 6501 5617

#### **LONDON**

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)  
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.  
2nd Floor, 35-39 Moorgate  
London EC2R 6AR  
Fax: 44-207-236-4811

---

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.